

 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ PHƯƠNG

**phủ ban hành ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định sô ́ 20/2021/NĐ-CP), thay thế Nghị định sô ́ 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội (TGXH) đối với đối tượng bảo trợ xã hội.**

**Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính**

**MỘT SỐ ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2021/NĐ-CP**

**MỨC CHUẨN TRỢ GIÚP XÃ HỘI**

- **Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP:**

**CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI**

**NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 2021**

|  |
| --- |
| ***“Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ******ngày 01/7/2021 là 360.000 đồng/tháng.****Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc* |
| *độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của**đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã* |
| *hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách* |
| *đối với các đối tượng khác”.*- **Mức TGXH hằng tháng sẽ được xác định theo công thức tính sau:** Mức TGXH hằng tháng |
| = Mức chuẩn TGXH x Hệ số |

- **Hệ số tương ứng đối với Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP như sau:**

*“Đối với đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:*

*+ Hệ số 2,0 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng;*

*+ Hệ số 2,5 đối với trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người cao tuổi là người khuyết tật đặc biệt nặng;*

***Mỹ Phương, tháng 8 năm 2024***

*+ Hệ số 1,5 đối với người khuyết tật nặng;*

*+ Hệ số 2,0 đối với trẻ em khuyết tật nặng hoặc người cao tuổi là người khuyết tật nặng”.*

**PHẠM VI ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG**

# Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng bao gồm:

1. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi

|  |
| --- |
| dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây: Bịbỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; Mồ côi |
| cả cha và mẹ; Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn |
| lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp |
| luật; Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang |
| hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ |
| giúp xã hội, nhà xã hội; Mồ côi cha hoặc mẹ và |
| người còn lại đang trong thời gian chấp hành án |
| phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết |
| định xử lý vi phạm hành chỉnh tại trường giáodưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo |
| quy định của pháp luật; cả cha và mẹ đang hưởngchế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã |

hội, nhà xã hội; Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất

|  |
| --- |
| tích theo quy định của pháp luật và người còn lạiđang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ |
| sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; Cha hoặc mẹ bịtuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành ánphạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết |
| định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáodưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm |
| sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và ngườicòn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý |
| vi phạm hành chính tại trường giảo dưỡng, cơ sở |  |



giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1. Người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.
2. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.
3. Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất quy định tại khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con).
4. Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:
	1. Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;
	2. Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định ở điểm a khoản này đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn;
	3. Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;
	4. Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng.
5. Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật.
6. Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3, 6 đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn (đây là một quy định mới).
7. Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng.

**HỆ SỐ TÍNH MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC NGƯỜI KHUYẾT TẬT ĐẶC BIỆT NẶNG SỐNG TẠI HỘ GIA ĐÌNH**

1. **Cách tính hệ số trợ cấp xã hội đối với trường hợp người đơn thân thuộc hộ nghèo đang nuôi:**

Theo điểm d, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: *“Đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này: Hệ số 1,0 đối với* ***mỗi một con đang nuôi****”*.

1. **Cách tính hệ số hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (ĐBN) đối với hộ gia đình theo hướng hợp lý hơn, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các hộ gia đình/cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật ĐBN:**
	* **Theo điểm c, khoản 2, Điều 20 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định:** *“Hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng* ***mỗi một người*** *khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc hệ số một (1,0)”*.
	* **Theo điểm d, khoản 2, Điều 20 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định:** *“Hộ gia đình, cá nhân*

*nhận chăm sóc nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc với hệ số được quy định như sau:*

* *Hệ số 1,5 đối với trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi một người khuyết tật đặc biệt nặng;*
* *Hệ số 2,5 đối với trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi một trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.”*
* **Theo khoản 2, Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định:**

*“****Hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu:*** *Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng khác mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ từ nguồn lực huy động hoặc nguồn dự trữ quốc gia: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xuồng máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ.”*

* **Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP:**

*“****Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác*** *được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này”.*

* **Theo khoản 1, 2, 3 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định:**

*“1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được*

**TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHẨN CẤP**



*xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.*

1. *Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.*
2. *Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối thiểu*

*20.000.000 đồng/hộ.”*

**THỦ TỤC THỰC HIỆN, ĐIỀU CHỈNH, THÔI HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HẰNG THÁNG, HỖ TRỢ KINH PHÍ CHĂM SÓC HẰNG THÁNG**

**Theo khoản 1, Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng theo quy định sau đây:**

1. Đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan làm hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này gửi Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp xã) nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ sau để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai:
	* Sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc văn bản xác nhận của công an xã, phường, thị trấn; Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;
	* Giấy khai sinh của trẻ em đối với trường hợp xét trợ cấp xã hội đối với trẻ em, người đơn thân nghèo đang nuôi con, người khuyết tật đang nuôi con;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng.

Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi quy định tại các điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định này kể từ thời điểm người đó đủ 75 tuổi, quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định này kể từ thời điểm người đó đủ 80 tuổi. Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật từ tháng được cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật. Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng của đối tượng khác kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng.

Thời gian điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hàng tháng kể từ tháng đối tượng đủ điều kiện điều chỉnh./.

 Mỹ Phương, ngày 18 tháng 06 năm 2024

 VH - XH

* Giấy tờ xác nhận bị nhiễm HIV của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV;
* Giấy tờ xác nhận đang mang thai của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp người khuyết tật đang mang thai;
* Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật.
1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch UBND xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã trong thời gian 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của đối tượng.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.